TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 9 - 2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà L và ông N tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông N không quan tâm tới vợ con dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do không thể chung sống nên vợ chồng đã ly thân hơn hai năm, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để đoàn tụ chung sống nuôi con nhưng vẫn không hàn gắn được. Hiện nay bà L không còn tình cảm gì với ông N nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông N có 1 con chung là Phạm Võ Hoàng B, sinh ngày 25/4/2012 hiện đang ở với với bà L. Bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồngxét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về nội dung, căn cứ nội dung xác minh về nơi cư trú của ông N và mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy bà bà L yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà L được nuôi cháu Phạm Võ Hoàng B, sinh ngày 25/4/2012, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cấu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị L và ông Phạm Văn N tự nguyên chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2017 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà L cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N không quan tâm gì đến vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã ly thân khoảng 2 năm hiện không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với ông N; Tại biên bản xác minh nơi cư trú và và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông N, xác định ông N thường xuyên uống rượu say về gây gổ cãi vã với bà L và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 2 năm nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông N là sự thật và cả hai đã có thời gian dài sống ly thân, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông N.

[3] Về con chung: Bà L và ông N có 1 con chung là Phạm Võ Hoàng B, sinh ngày 25/4/2012 hiện đang ở với với bà L. Bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu B hiện đang sống ổn định với bà L và cháu có nguyện vọng ở với bà L nên chấp nhận giao cháu B cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không xét đến.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Bà L phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn N.

2. Về con chung: Bà Võ Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Võ Hoàng B, sinh ngày 25/4/2012; Ông Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do bàn L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Án phí: Bà Võ Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006906 ngày 12/6/2019. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Q, H. Q, Quảng Bình;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG TRÍ THỨC